

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**
Mã MH/MĐ: **MH003269**
Tên MH/MĐ: **Thực tập chuyên môn**
Số TC: **3**

Năm học: **23-24**
Học kỳ: **02**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988			9.5	9.0	9.0		9.0		9.0
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984			8.5	9.0	9.0		9.0		9.0
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982			9.5	8.5	8.5		8.5		8.6
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979			5	8.5	8.5		8.5		8.2
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996			8	8.5	8.5		8.5		8.5
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992			8.5	8.0	8.0		8.0		8.0
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991			8.5	8.5	8.5		8.5		8.5

Châu Đốc, ngày 25 tháng 10 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà